

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ Q  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18 /2021/KDTM - ST

Ngày 06 - 12 - 2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ung Quang Định

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Thị Bích Hợp

2. Bà Phạm Thị Tú Nga

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hạnh là Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Q, tỉnh B.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Q, tỉnh B xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2021/TLST-KDTM ngày 06 tháng 7 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXX - ST ngày 08 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2021/QĐST- KDTM ngày 24 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ

Trụ sở: 130 Phan Đăng L, phường 3, quận P, TP H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T – Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình T - Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh B, Phòng giao dịch P (theo Quyết định ủy quyền số: 223/QĐ-DAB-PC ngày 19/03/2019).

Địa chỉ: 1558 Hùng V, P. T, Tp. Q, tỉnh B

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1967

Địa chỉ: Tổ 10, KV 7, P. B, Tp. Q, tỉnh B.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Thái H, sinh năm: 1965

Địa chỉ: Tổ 10, KV 7, P. B, Tp. Q, tỉnh B.

2. Hội liên hiệp Phụ nữ phường B, Tp. Q.

Người đại diện hợp pháp: Bà Võ Thị Bích N - Chủ tịch Hội LHPN phường

Địa chỉ: 242 Âu Cơ, phường B, Tp. Q, tỉnh B

(Ông Tiên có mặt; bà T và ông H vắng mặt; bà N có đơn xin vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ, ông Trần Đình T trình bày:*

Ngày 13/07/2012, bà Nguyễn Thị Lệ T là hội viên Hội liên hiệp Phụ nữ phường B, Tp. Q có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh B, Phòng giao dịch P như sau: Số tiền vay: 10.000.000 đồng, thời hạn vay: 12 tháng, lãi suất vay: 14,5%/năm, mục đích: Vay bổ sung vốn kinh doanh, tài sản đảm bảo: tín chấp, phương thức trả nợ: Trả vốn và lãi hàng tháng; 11 tháng đầu, mỗi tháng trả 960.000 đồng; tháng cuối trả 890.000 đồng. Với số tiền vay, lãi suất và kỳ hạn như trên thì bà Nguyễn Thị Lệ T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là: 11.450.000 đồng (trong đó, vốn gốc là: 10.000.000 đồng, tiền lãi là: 1.450.000 đồng). Trong quá trình vay, từ ngày 13/07/2012 đến ngày 13/07/2013 bà Nguyễn Thị Lệ T chỉ trả số tiền: 7.720.000 đồng (vốn: 6.548.847 đồng, lãi: 1.171.153 đồng, lãi quá hạn: 0 đồng) nhưng sau đó bà T không trả nợ cho Ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 17/06/2021, khoản vay vốn nêu trên đã quá thời hạn thanh toán vốn gốc và lãi vay. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo trả nợ nhưng bà T vẫn không trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị Lệ T và ông Nguyễn Thái H (người có nghĩa vụ liên quan) thanh toán toàn bộ số vốn gốc và lãi vay, tạm tính đến ngày 17/06/2021 là: 11.393.704 đồng, trong đó: vốn: 3.451.153 đồng, lãi trong hạn: 278.847 đồng, lãi quá hạn: 7.663.704 đồng. Và tiền lãi vay phát sinh từ ngày 17/06/2021 đến ngày thực trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Đ theo lãi suất được quy định tại hợp đồng vay.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị Lệ T phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền nợ là 11.752.337 đồng, trong đó: nợ gốc 3.451.153 đồng, lãi trong hạn 278.847 đồng, lãi quá hạn 8.022.337 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho đến khi bà T trả hết nợ. Nếu bà T không trả được nợ thì người bảo lãnh ông Nguyễn Thái H phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho bà T theo thỏa thuận.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T:* Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà T không đến tham gia phiên tòa, vắng mặt không có lý do. Căn cứ biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2021 bà T khai: Ngày 12/7/2021 bà có vay Ngân hàng số tiền 10.000.000 đồng, thời gian vay 12 tháng, lãi suất 14,5%/tháng, mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh. Kể từ khi vay cho đến nay bà đã trả được tiền gốc: 6.548.847 đồng và tiền lãi: 1.171.153 đồng nhưng sau đó không tiếp tục trả nợ vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Bà thừa nhận hiện còn nợ Ngân hàng số tiền gốc

3.451.153 đồng và chưa thống nhất số tiền lãi còn nợ; các chứng từ trả nợ cho Ngân hàng bị mất, không còn lưu giữ nên bà không cung cấp được cho Tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thái H:* Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H không đến Tòa làm việc và tham gia phiên tòa nên không lấy được lời khai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hội liên hiệp Phụ nữ phường B,* đại diện hợp pháp là bà Võ Thị Bích N có đơn đề nghị vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 23/7/2021 bà Võ Thị Bích N trình bày: Hội Liên hiệp phụ nữ phường B và Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh B có ký thỏa thuận liên kết về việc Ngân hàng hỗ trợ cấp vốn cho Hội viên thông qua Hội Liên hiệp phụ nữ phường B. Hội Liên hiệp phụ nữ phường B đã thành lập Tổ tín dụng vay vốn, Ngân hàng tập hợp từng hồ sơ hội viên để thẩm định, phê duyệt. Cuối tháng, các hội viên nộp tiền vay góp hàng tháng cho Tổ trưởng để Tổ trưởng nộp cho Ngân hàng. Tại thời điểm bà T vay vốn của Ngân hàng, bà Nguyễn Thị D là Chủ tịch Hội phụ nữ phường B. Năm 2020 bà D chuyển sang làm công tác Phó bí thư đảng ủy phường, nên bà được bàn giao nhận công tác Chủ tịch Hội phụ nữ phường từ tháng 8 năm 2020 đến nay. Theo hồ sơ vay vốn, ngày 02/7/2012 Hội phụ nữ phường B có ký xác nhận giấy đề nghị vay vốn kiêm khế ước nhận nợ cho bà Nguyễn Thị Lê T (người vay), ông Nguyễn Thái H (người bảo lãnh) với số tiền đề nghị vay 10.000.000 đồng. Người trực tiếp thu tiền gốc, lãi hàng tháng do tổ trưởng bà Nguyễn Thị Xuân H thực hiện và nộp cho Ngân hàng nên Hội phụ nữ phường không biết được số tiền bà T đã trả cho Ngân hàng là bao nhiêu, số tiền còn lại là bao nhiêu. Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Lê T và ông Nguyễn Thái H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 17/06/2021 là 11.672.551 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 18/6/2021 cho đến khi bà T và ông H thanh toán hết nợ; bà Ngọc yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất hướng giải quyết vụ án:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngân hàng và Hội liên hiệp Phụ nữ phường B thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bà T và ông H không thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc

bà Nguyễn Thị Lệ T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 06/12/2021 là 11.752.337 đồng; trong đó nợ gốc 3.451.153 đồng, lãi trong hạn 278.847 đồng, lãi quá hạn 8.022.337 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm khế ước nhận nợ ngày 12/7/2021 cho đến khi trả hết nợ. Buộc ông Nguyễn Thái H có nghĩa vụ trả nợ thay cho Ngân hàng TMCP Đ cho đến khi trả hết nợ nếu bà Nguyễn Thị Lệ T không trả được nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng dân sự:**

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP Đ (Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Lệ T, trú tại: Tổ 10, KV 7, P. B, Tp. Q, tỉnh B trả số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm khế ước nhận nợ ngày 30/6/2012 mà các bên đã ký kết với mục đích vay: bổ sung vốn mua bán nên quan hệ pháp luật được xác định: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc trường hợp tranh chấp về kinh doanh thương mại và vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Tp. Q theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[1.2] Về vắng mặt đương sự:**

Trước khi xét xử, Tòa đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự nhưng bà Nguyễn Thị Lệ T và ông Nguyễn Thái H không có mặt tại phiên tòa, vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Đây là trường hợp cố tình trốn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án; căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

#### **[2] Về nội dung tranh chấp:**

Ngày 30/6/2012 bà Nguyễn Thị Lệ T là hội viên Hội liên hiệp Phụ nữ phường B, Tp. Q có vay tại Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh B – phòng giao dịch P theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm khế ước nhận nợ ngày 12/7/2012, có ông Nguyễn Thái H (chồng bà T) là người bảo lãnh, được Hội liên hiệp Phụ nữ phường B, Tp. Q xác nhận và được Ngân hàng xét duyệt cho vay theo các nội dung sau: Số tiền vay: 10.000.000đồng; thời hạn vay: 12 tháng (từ ngày 13/7/2012 đến ngày 13/7/2013); lãi suất trong hạn: 14,5%/năm; mục đích: buôn bán; tài sản đảm bảo: tín chấp; phương thức trả nợ: trả vốn và lãi hàng tháng, 11 tháng đầu mỗi tháng trả 960.000 đồng, tháng cuối trả 890.000 đồng. Theo thỏa thuận này, bà T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 11.450.000 đồng (trong đó: tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi là 1.450.000 đồng). Ngày 13/7/2012 bà T đã ký nhận tiền vay 10.000.000

đồng. Trong thời hạn vay, bà T đã trả cho Ngân hàng tổng cộng 7.720.000 đồng; trong đó: tiền gốc: 6.548.847 đồng, tiền lãi: 1.171.153 đồng nhưng sau đó bà T không tiếp tục trả gốc và lãi theo thỏa thuận, vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển khoản nợ gốc sang nợ quá hạn từ ngày 28/9/2012 và áp dụng mức lãi suất 150% lãi suất trong hạn là 21,75%/tháng theo quy định. Thời gian qua, Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc về việc trả nợ nhưng bà T không thực hiện.

Tính đến hết ngày 06/12/2021 bà T còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng 11.752.337 đồng, trong đó: nợ gốc 3.451.153 đồng, lãi trong hạn 278.847 đồng, lãi quá hạn 8.022.337 đồng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ và lãi phát sinh là có căn cứ, phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm khế ước nhận nợ ngày 12/7/2012 ông Nguyễn Thái H (người bảo lãnh) cam kết nếu bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì ông H sẽ trả nợ thay cho đến khi trả hết nợ. Do đó, HĐXX có căn cứ để buộc ông H phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi còn nợ thay cho bà T nếu bà T không trả được nợ.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bà Nguyễn Thị Lê T phải chịu 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định. Ngân hàng không phải chịu nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Tòa nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 465, 466, 467 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Án lệ số: 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Lệ Thủy có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 06/12/2021 là 11.752.337 đồng, trong đó: nợ gốc 3.451.153 đồng, nợ lãi trong hạn 278.847 đồng, nợ lãi quá hạn 8.022.337 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ngày 07/12/2021, bà Nguyễn Thị Lệ T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm khế ước nhận nợ các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Đ thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Lệ T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Đ.

3. Trường hợp bà Nguyễn Thị Lệ T không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền gốc và lãi còn nợ thì ông Nguyễn Thái H có nghĩa vụ trả nợ thay cho Ngân hàng TMCP Đ cho đến khi trả hết nợ.

4. Án phí KDTM sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Lệ T phải chịu 3.000.000 đồng. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 0002734 ngày 06/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Q, tỉnh B.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND Tp. Q;
- Chi cục THADS Tp. Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ung Quang Định**